

Bản án số: 148/2026/DS-ST
Ngày: 07-9-2026
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hứa Trọng Nhơn;

Bà Tạ Huyền Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Nhật là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Thái Hoàng Chân - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2026/TLST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2026 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2026/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trần Quang P**, sinh năm 1959; căn cước công dân số 082059006192, được cấp ngày 02/7/2021 (*có mặt*).

Địa chỉ cư trú: **Ấp K, xã N, tỉnh Cà Mau.**

Bị đơn: Ông **Nguyễn Minh C**, sinh năm 1964; căn cước số 096064000394, được cấp ngày 09/01/2025 (*xin vắng mặt*).

Địa chỉ cư trú: **Ấp K, xã N, tỉnh Cà Mau.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn, ông **Trần Quang P** trình bày:* Cách đây 04 năm, ông **P** có nhận chuyển nhượng của ông **Nguyễn Minh C** một nền nhà tọa lạc **ấp K** với số tiền 60.000.000 đồng, ông **P** trả trước cho ông **C** 50.000.000 đồng và giao ước khi nào

ông **P** giao thêm 10.000.000 đồng thì ông **C** phải làm giấy tờ cho ông **P**. Khoảng 5 – 6 ngày sau, gia đình ông **C** không tiếp tục thực hiện hợp đồng nên ông **P** yêu cầu ông **C** trả lại 50.000.000 đồng thì ông **C** đồng ý nhưng thời gian kéo dài đến nay chỉ trả được một phần, còn nợ lại 20.800.000 đồng và không hứa khi nào thanh toán. Xét thấy ông **C** không có thiện ý trả nợ nên ông **P** khởi kiện yêu cầu ông **Nguyễn Minh C** hoàn trả số tiền đặt cọc mua đất là 20.800.000 đồng.

*** Bị đơn, ông Nguyễn Minh C trình bày:** Nguyên trước đây ông **Nguyễn Minh C** có vay tiền của ông **Trần Quang P**, số tiền vay không nhớ rõ, ông đã đóng lãi nhiều lần và trả dần vốn gốc. Tại buổi hoà giải ngày 07/01/2026, ông **C** thừa nhận còn nợ ông **P** 22.300.000 đồng, hứa mỗi tháng trả 1.000.000 đồng, ông trả được 02 tháng thì ngưng cho đến nay, hiện tại còn nợ ông **P** 20.000.000 đồng. Ông **C** xác định số tiền nêu trên không phải là tiền đặt cọc, giữa các bên không có thoả thuận mua bán gì với nhau.

*** Tại phiên tòa:**

Ông Trần Quang P trình bày: Ông Phương xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ buộc ông **Nguyễn Minh C** thanh toán 20.000.000 đồng; biên bản hoà giải ngày 07/01/2026 của Tổ hoà giải **ấp K** mà ông nộp cho Toà án là đúng.

Ông **Nguyễn Minh C** vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Về phần thủ tục tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật nên không có kiến nghị. Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Trần Quang P**. Buộc ông **Nguyễn Minh C** thanh toán cho ông **P** số tiền 20.000.000 đồng. Án phí, các chi phí tố tụng khác đương sự chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng.

Mặc dù tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 6 năm 2026, nguyên đơn đã yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn thanh toán 20.800.000 đồng nhưng tại phiên tòa, nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu là chỉ buộc bị đơn thanh toán 20.000.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử xem xét theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông **Trần Quang P** khởi kiện buộc ông **Nguyễn Minh C** thanh toán số tiền đặt cọc còn nợ nhưng ông **P** không cung cấp được hợp đồng chuyển nhượng hay chứng cứ giao nhận tiền cọc mà chỉ có biên nhận thể hiện việc ông **C** thừa nhận số nợ 22.300.000 đồng; quá trình giải quyết vụ án, ông **C** trình bày tại buổi hoà giải của địa phương cũng thể hiện đây là khoản tiền vay (Bút lục số 03) nên xác định đây là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463 của Bộ luật dân sự. Ông **Nguyễn Minh C** cư trú tại **ấp K, xã N, tỉnh Cà Mau** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cà Mau quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2025).

Ông **Nguyễn Minh C** có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt vì bận công việc, điều kiện đi lại khó khăn, yêu cầu này của đương sự là chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án.

Xét yêu cầu của nguyên đơn.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền đặt cọc mua đất còn nợ là 20.000.000 đồng, thấy rằng: Ông **Trần Quang P** không cung cấp được hợp đồng chuyển nhượng đất hay tài liệu, chứng cứ giao nhận tiền cọc. Quá trình giải quyết vụ án, ông **C** không thừa nhận có hợp đồng chuyển nhượng đất hay đặt cọc mà cho rằng đây là khoản tiền vay nên Hội đồng xét xử tiến hành xem xét hợp đồng vay tài sản giữa các bên theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật dân sự.

Cách đây 04 năm, ông **Trần Quang P** và ông **Nguyễn Minh C** có giao kết hợp đồng vay tài sản nhưng không lập thành văn bản, theo đó ông **C** vay của ông **P** số tiền 50.000.000 đồng, quá trình giao dịch ông **C** không thực hiện đúng hợp đồng, theo biên nhận và biên bản hoà giải thành (tranh chấp dân sự mượn tiền) của Tổ hoà giải ấp Kinh Tắc ngày 07/01/2026 thể hiện: Ông **C** còn nợ ông **P** số tiền 22.300.000 đồng. Vì vậy, có đủ cơ sở xác định hợp đồng vay tài sản giữa các đương sự là thực tế có xảy ra. Tại biên bản hoà giải nêu trên, ông **C** hứa mỗi tháng trả cho ông **P** 1.000.000 đồng. Nay ông **P** yêu cầu ông **C** thanh toán 20.000.000 đồng, ông **C** thừa nhận số nợ này và đồng ý thanh toán nên được Hội đồng xét xử ghi nhận theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp ông **Nguyễn Minh C**

chậm thanh toán cho ông **Trần Quang P** số tiền nêu trên thì hàng tháng ông **C** còn phải chịu thêm khoản lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

Về án phí: Ông **Nguyễn Minh C** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của ông **P** được chấp nhận nhưng ông **C** thuộc đối tượng người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông **P** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 147, 220, khoản 1 Điều 228 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Buộc ông **Nguyễn Minh C** thanh toán cho ông **Trần Quang P** số tiền vay còn nợ là 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp ông **Nguyễn Minh C** chậm thanh toán cho ông **Trần Quang P** số tiền nêu trên thì hàng tháng ông **C** còn phải chịu thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%.

Ông **Nguyễn Minh C** thuộc đối tượng người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông **Trần Quang P** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 8 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày nhận bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện khu vực 5 – Cà Mau;
- Chi cục THADS Khu vực 5 – Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Diệu Hiền